TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2019
V/v L hôn, tranh chấp nuôi con khi L hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Bà Hà Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc xin L hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị Q, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản M, xã M1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt;

Bị đơn: Anh Tòng Văn H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản B, xã B1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năn 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lường Thị Q trình bày như sau:

Chị và anh Tòng Văn H kết hôn với nhau từ năm 2013 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 07/9/2013. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng 5 năm thì

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do anh H mải chơi, thường xuyên uống rượu say, không chịu làm ăn và có hành vi đánh đập chị. Anh chị đã được gia đình cùng chính quyền địa phương hòa giải nhưng anh H không thay đổi. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Anh chị đã sống L thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Thời gian L thân chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là các cháu Tòng Thị Diệu L, sinh ngày 17/9/2016 và cháu Tòng Tiến V, sinh ngày 07/9/2013. Mặc dù hai bên đã thỏa thuận anh H sẽ có trách nhiệm nuôi con và chị sẽ trợ cấp nuôi con theo khả năng, tuy nhiên việc anh H yêu cầu chị trợ cấp một lần 18.000.000vnđ theo chị sẽ không đảm bảo được việc trợ cấp liên tục cho con. Chị lo lắng đối với khoản tiền trợ cấp trên anh H sẽ sử dụng vào mục đích khác nên anh chị không thỏa thuận được với nhau về vấn đề trợ cấp nuôi con sau ly hôn. Chị nhận thấy anh H không có việc làm và thu nhập ổn định, bản thân cũng sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ nên khả năng nuôi cả hai con chung là không đảm bảo. Tại buổi hòa giải ngày 02/8/2019 và tại phiên tòa, chị có nguyện vọng được nhận nuôi cháu Tòng Thị Diệu L đến tuổi trưởng thành, giao cháu Tòng Tiến V cho anh H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hai bên đều có trách nhiệm đối với các con không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có nợ quỹ bản số tiền 3.983.000vnđ. Hai bên tự nguyện thỏa thuận mỗi người sẽ có trách nhiệm trả quỹ bản 1.947.000vnđ. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại bản tự khai và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Tòng Văn H trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn anh H trình bày thống nhất với lời khai của chị Anh. Anh chị tự nguyện kết hôn, có đi đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Theo anh, hai vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì chị Anh tự ý bỏ đi khỏi nhà mà không thông báo với chồng. Bản thân anh và gia đình cũng không biết lý do gì chị Anh bỏ đi. Cuộc sống vợ chồng cũng có cãi vã và xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhặt không tìm được tiếng nói chung. Chị Anh bỏ đi từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm cuộc sống của ai. Anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn tuy nhiên hai bên chưa thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm với con chung nên không đồng ý L hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là các cháu Tòng Thị Diệu L, sinh ngày 17/9/2016 và cháu Tòng Tiến V, sinh ngày 07/9/2013. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị Anh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mức 18.000.000vnđ. Việc cấp dưỡng thực hiện năm 2019 cấp dưỡng 9.000.000vnđ, năm 2020 cấp dưỡng 9.000.000vnđ.

Về tài sản chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên tự nguyện thỏa thuận mỗi người sẽ có trách nhiệm trả quỹ bản 1.947.000vnđ. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa pH nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định anh chị kết hôn từ năm 2013 và chung sống cùng gia đình anh H tại Bản B, xã B1, huyện Mai Sơn. Trong thời gian chung sống anh chị có mâu thuẫn và sảy ra xô xát với nhau, chị Anh có đến trình báo nhưng gia đình có nguyện vọng muốn tự hòa giải nên chính quyền địa pH không can thiệp giải quyết. Chị Anh có bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018 đến nay. Ban quản lý bản có nhận được đơn xin L hôn của chị Anh và tổ chức hòa giải cho hai bên, tuy nhiên anh H cùng gia đình có thái độ không hợp tác và bỏ về khi Tổ hòa giải đang tiến hành làm việc nên việc hòa giải không thành. Về con chung anh chị có hai con chung là cháu Tòng Thị Diệu L sinh năm 2016 và cháu Tòng Tiến V, sinh năm 2013. Bản thân anh H không có việc làm và thu nhập ổn định nên không đảm bảo được khả năng nuôi dưỡng cả hai cháu. Anh vẫn phải sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ. Đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm và khả năng nuôi con của các bên để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản chung anh chị không có tài sản chung có giá trị mà sống cùng với bố mẹ đẻ của anh H. Về nợ chung anh chị có nợ quỹ xây dựng bản các năm từ 2015 đến 2019 tổng số tiền là 3.893.000vnđ. Nhất trí với thỏa thuận của anh H, chị Anh mỗi người sẽ có trách nhiệm trả 1.947.000vnđ cho quỹ bản và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, tham gia các buổi làm việc, hòa giải tại Tòa án nhưng không đồng ý ký nhận các biên bản làm việc, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị Lường Thị Q đối với anh Tòng Văn H. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị Diệu L, sinh ngày 17/9/2016 cho chị Anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Tòng Tiến V sinh ngày 07/9/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Anh phải chịu án phí L hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Tòng Văn H có Hộ khẩu thường trú tại Bản B, xã B1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là L hôn là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn chị Lường Thị Q, bị đơn anh Tòng Văn H để hòa giải giải quyết vụ án. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2]. Về yêu cầu xin L hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Tòng Văn H và chị Lường Thị Q tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013, anh chị đã được UBND xã M1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/9/2013. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa pH xác định: giữa anh chị có mâu thuẫn về tình cảm, anh chị có sảy ra xô xát nhưng không yêu cầu chính quyền địa pH can thiệp giải quyết. Việc mâu thuẫn diễn ra đã được gia đình hòa giải. Chị Anh có đơn xin L hôn tổ hòa giải của bản đã tiến hành hòa giải cho các bên nhưng anh H không hợp tác làm việc nên việc hòa giải không thành. Anh chị sống L thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Anh và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị Anh, xử cho chị Anh được L hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Tòng Thị Diệu L, sinh ngày 17/9/2016 và cháu Tòng Tiến V, sinh ngày 07/9/2013. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy:

Khi L hôn chị Anh, anh H đều có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng các con. Tuy nhiên cháu L sinh ngày 17/9/2016 hiện dưới 3 tuổi, cháu V hiện cũng còn nhỏ tuổi. Anh H hiện không có công việc và thu nhập ổn định, công việc chủ yếu là làm thuê và làm nông nghiệp, việc chăm sóc các con phụ thuộc chủ yếu vào ông bà nội. Việc anh nhận nuôi cả hai con là không đảm bảo khả năng lo cho cuộc sống của các cháu. Chị Anh có nguyện vọng được nhận nuôi cháu Diệu L do cháu là con gái, hiện dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn để phát triển toàn diện về tâm sinh lý và thể chất của con gái. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi của con chung dưới 36 tháng tuổi, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu L cho chị Anh trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H, chị Anh đều xác nhận không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H, chị Anh đều thống nhất về khoản nợ quỹ xây dựng bản các năm từ 2015 đến 2019 tổng số tiền là 3.893.000vnđ. Anh H, chị Anh thống nhất mỗi người sẽ có trách nhiệm trả 1.947.000vnđ cho quỹ bản và không đề nghị Tòa án giải quyết. Trưởng bản ông Lường Văn Binh xác nhận đồng ý với thỏa thuận của anh H, chị Anh. Không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lường Thị Q và anh Tòng Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị Diệu L, sinh ngày 17/9/2016 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Diệu L thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Tòng Tiến V, sinh ngày 07/9/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi L hôn, các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở các bên được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị Q, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Q, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003216 ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã M1;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Thị Chơ